

Bản án số: 04/2025/DS-PT

Ngày 13 - 02 - 2025

V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản
theo di chúc và theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thủy và ông Trần Văn San.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký TAND tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản theo di chúc và theo pháp luật".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị N, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị X (tên gọi khác: Ngô Thị X1), sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Người giám hộ cho bà Nguyễn Thị X (tên gọi khác: Ngô Thị X1) là: Ông Trần Như K, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị N1, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N1 là: Ông Trương Việt H, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

3. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

4. Bà Ngô Thị M1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979 và cháu Ngô Tuấn A, sinh năm 2008 (người đại diện hợp pháp cho cháu Ngô Tuấn A là bà H1); cùng địa chỉ: Số nhà H, xóm C, thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Chị H1 có mặt.

6. Chị Ngô Thị H2, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N, bà X1, bà M1, bà H1: Luật sư Chu Bá T1 và luật sư Nguyễn Thị Hương T2 - Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số D đường N, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Về hàng thừa kế: Cụ Ngô Văn V (chết năm 2010) và cụ Ngô Thị T3 (chết năm 2020). Cụ V - cụ T3 sinh được 08 người con gồm: Bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị X1 (tên khác là Nguyễn Thị X), ông Nguyễn Ngọc M, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị N1, bà Ngô Thị M1, ông Ngô Văn B (ông B đã chết ngày 12/05/2008, có vợ thứ nhất là bà Ngô Thị M2 (đã ly hôn), có 01 con gái là chị Ngô Thị H2; vợ thứ hai là bà Nguyễn Thị H1, có 01 con trai là cháu Ngô Tuấn A) và ông Ngô Văn Đ (đã chết từ khi còn nhỏ, chưa có vợ, con).

Di sản thừa kế của Cụ V và cụ T3 để lại tài sản gồm:

- Thừa đất số 195, tờ bản đồ số 20, diện tích 1270m², gồm: 250m² đất ở, 270m² đất ao, 750m² đất vườn tại xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/11/2008 mang tên hộ ông Ngô Văn V và bà Ngô Thị T3. Trên đất có 01 nhà mái bằng diện tích 85m², các công trình phụ như bếp, nhà vệ sinh đã xuống cấp và một số cây cối hoa màu. Hiện thửa đất này do bà H1 và bà N cùng quản lý, sử dụng.

- Thừa đất số 404, tờ bản đồ số 5, diện tích 270m² đất lúa tại xứ đồng L, xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất ngày 27/12/2018 mang tên hộ cụ Ngô Thị T3. Hiện thửa đất này do bà T quản lý, sử dụng.

- Thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20, diện tích 584m² đất màu tại xứ đồng Nội Bồi, xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/02/2001 mang tên hộ ông Ngô Văn V. Hiện thửa đất này do bà N và ông M cùng quản lý và sử dụng. Cụ thể: Bà N sử dụng 221m², ông M sử dụng khoảng 363m². Ngoài ra trên đất có một số cây hoa màu ngắn ngày theo mùa vụ do bà N và ông M trồng trọt.

Thừa kế theo di chúc:

Ngày 18/8/2008, cụ V và cụ T3 cùng lập một bản di chúc bằng văn bản, có sự chứng kiến của năm người con gái và bà H1 với nội dung chia di sản thừa kế cho chị Nguyễn Thị H1 và cháu nội là Ngô Tuấn A (là vợ và con trai của ông B) gồm: Diện tích 1270m² (trong đó: 250m² đất ở, 270m² đất ao, 750m² đất vườn) tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 20, có địa chỉ xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam và các tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây đồ mái, diện tích 85m²; 02 gian nhà bếp lợp mái ngói và các công trình phụ khác. Bản di chúc được UBND xã X chứng thực, đóng dấu theo quy định của pháp luật.

Công bố di chúc: Ngày 11/3/2021 theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị H1, UBND xã X đã công bố bản di chúc cho toàn bộ những người con trong gia đình cụ V và cụ T3 nhưng ông M không nhất trí với nội dung bản di chúc nên xảy ra tranh chấp. Hiện nay bà N là người trông nom toàn bộ thửa đất trên giúp bà H1.

Nguyên đơn bà Ngô Thị N khởi kiện cho rằng:

Khi cụ V và cụ T3 còn sống, ông M có mâu thuẫn đánh chửi nhau, ngược đãi với cụ V và cụ T3 nên ông M đã bị bố mẹ từ mặt tại UBND xã X. Ông M cũng chuyển ra ở riêng và tự ý thay đổi họ của mình từ họ Ngô thành họ Nguyễn nên bà xác định ông M không còn là con của cụ V và cụ T3.

Khi cụ V và cụ T3 còn sống các chị em bà (con của cụ V và cụ T3) và bà H1 đều đóng góp công sức để chăm sóc bố mẹ lúc ốm đau, đi viện, việc mai táng cúng giỗ cụ V và cụ T3 và các khoản tiền chi phí đều do bà H1 bỏ ra.

Do Ông M không nhất trí với nội dung bản di chúc và đã tự ý tách ra 360m² đất màu tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20, diện tích 625m² tại xứ đồng Nội Bồi, xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam để sử dụng riêng.

Bà Ngô Thị N yêu cầu:

- Chia thừa kế theo di chúc ngày 18/8/2008 của V và cụ T3 cho bà Nguyễn Thị H1 và cháu Ngô Tuấn A được hưởng di sản tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 20 diện tích 1270m² (trong đó: 250m² đất ở, 270m² đất ao, 750m² đất

vườn) và các tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây đổ mái, diện tích 85m²; hai gian nhà bếp lợp ngói và các công trình phụ khác.

- Đối với các di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thừa đất số 404, tờ bản đồ số 05 và thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20, của V và cụ T3 không có di chúc cho ai thừa kế tài sản, đề nghị Tòa án chia đều cho các hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật.

- Ngoài ra bà Ngô Thị N đề nghị Tòa án không chia di sản thừa kế của cụ V và cụ T3 cho ông M, vì trước đó ông M đã không được cụ V và cụ T3 công nhận là con và đã bị hai cụ đưa lên UBND xã X từ mặt, ông M cũng đã thay đổi họ nên hiện ông M không còn là con của cụ V và cụ T3.

Đối với các khoản tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng, mai táng, cúng giỗ cho cụ V và cụ T3 và trông coi bảo quản di sản thừa kế bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng và án phí: Cháu Tuấn A là người được hưởng thừa kế và bà H1 là người giám hộ cho cháu Tuấn A thì bà H1 phải chịu các chi phí này.

Đối với tài sản sinh hoạt: Do cụ V và cụ T3 thuộc hộ nghèo nên gia đình không có tủ lạnh; đối với 01 bộ salon cũ, 01 tủ chè cũ, 01 tivi cũ đều là các tài sản do ông B mua khi còn sống, không phải của cụ V và cụ T3 (mặt khác đều đã hư hỏng và hiện không còn) nên việc ông M yêu cầu Tòa án chia các tài sản này bà không đồng ý.

Bị đơn (ông Nguyễn Ngọc M) có ý kiến như sau:

Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 20, diện tích 1270m² (trong đó: 250m² đất ở, 270m² đất ao, 750m² đất vườn) tại địa chỉ xóm E cũ (nay là thôn L), xã X. Trên đất có 01 nhà mái bằng, nhà bếp, bể đựng nước ăn, 01 bộ salon cũ; 01 tủ chè cũ; 01 tivi cũ; 01 tủ lạnh cũ và cây cối hoa màu. Ngoài ra, trên diện tích đất của cụ V và cụ T3 còn có tài sản riêng của ông là 01 nhà cấp bốn 04 gian lợp ngói đỏ, hiện đã xuống cấp và hư hỏng. Ông xác định nhà cấp bốn là tài sản riêng của ông được xây từ năm 1986. Khi ông xây nhà đều được sự đồng ý của ông nội (cụ Ngô Văn V1), cụ V và cụ T3. Sau khi ông lấy vợ thì vợ chồng ông đã chuyển ra ở tại nhà bố mẹ còn bố mẹ ra ở nhà do ông xây dựng.

Đối với nội dung bản di chúc của cụ V và cụ T3 được UBND xã X công bố, ông không nhất trí với bản di chúc này. Vì cụ V và cụ T3 có 08 người con nhưng trong di chúc thể hiện chỉ có 06 người con, ông cho rằng thời điểm lập di chúc cụ V không còn minh mẫn, tinh táo vì cụ V đã bị tai biến.

Về di chúc miệng: Khi còn sống cụ T3 có để lại di chúc bằng miệng cho ông Nguyễn Ngọc M được vào trong thửa đất ở và đất vườn có nhà ở của bố mẹ

ông để ông làm nhà thờ tại góc vườn nơi có gian nhà cũ do ông xây dựng trước đây mà hiện nay đã đổ nát. Thời điểm di chúc miệng, cụ T3 hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn và có sự chứng kiến của ông Trương Minh T4, sinh năm 1963, trưởng xóm E (hiện là trưởng thôn L), xã X và ông Trương Minh N2, sinh năm 1971 là cháu của cụ T3 và là anh họ ông. Ông Trương Minh N2 là người trực tiếp ghi âm lại di chúc miệng của cụ T3 bằng điện thoại di động của ông N2. Cụ T3 để lại di chúc miệng cho ông thì khoảng hơn một năm sau cụ T3 chết. Sau khi cụ T3 chết ông đã mượn điện thoại của ông T4 để sao nội dung của bản di chúc qua thẻ nhớ.

Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N đề nghị chia di sản của cụ V và cụ T3 tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 20 cho cháu Ngô Tuấn A (con trai của ông Ngô Văn B).

Đối với họ *Nguyễn* của mình, ông M cho biết lý do ông chuyển từ họ Ngô sang họ Nguyễn là vì ông được biết cụ nội của ông mang họ Nguyễn nên sau khi lấy vợ ông đã đổi từ họ Ngô thành họ N3 và khai sinh cho tất cả các con của mình mang họ Nguyễn. Việc chuyển họ ông có hỏi ý kiến của cụ V và cụ T3 thì hai cụ đều không có ý kiến gì.

Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với:

- Thửa đất số 404, tờ bản đồ số 5, diện tích 270m² đất lúa tại xứ đồng L, xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L.

- Thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20, diện tích 224m² đất màu tại xứ đồng Nội Bồi, xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L.

- 01 bộ salon cũ, 01 tủ chè cũ, 01 tivi cũ, 01 tủ lạnh cũ.

Ngoài ra ông cho rằng vì ông là con trai trưởng và là cháu trưởng của dòng họ nên ông đề nghị được sử dụng một phần diện tích đất ở của cụ V và cụ T3 tại vị trí nơi có nhà cũ do ông xây dựng nhưng hiện đã đổ nát tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 20, diện tích 1270m² tại xóm E cũ (nay là thôn L), xã X theo đúng nguyện vọng của cụ T3 để xây nhà thờ.

Đối với diện tích 360m² đất màu nằm trong thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20, diện tích 625m² ông M xác định đây là đất hương hỏa, là di sản thừa kế của cụ Ngô Văn V1 (ông nội) để lại cho các con gồm ông Ngô Văn V, bà Ngô Thị T5, bà Ngô Thị L và cháu đích tôn là ông Nguyễn Ngọc M, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh diện tích 360m² đất màu này là đất hương hỏa của cụ V1 để lại mà chỉ nghe các cô của ông nói lại. Ông đề nghị Tòa án tách diện tích 360m² đất này ra để giao cho ông vì ông là cháu đích tôn của cụ V1 và sẽ có trách nhiệm quản lý sử dụng và thờ cúng. Về các chi phí tố tụng và án phí, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị N1, bà Ngô Thị M1, bà Ngô Thị X1 và bà Ngô Thị H3 đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N.

- Ông Nguyễn Như K1 đại diện giám hộ cho bà Ngô Thị X1 có ý kiến như sau: Đối với phần di sản mà bà X1 được hưởng từ cụ V và cụ T3 để lại thì giao toàn bộ cho bà Nguyễn Thị H1 và bà H1 có toàn quyền quyết định với phần di sản đó mà không đòi hỏi, yêu cầu bất kỳ quyền, nghĩa vụ gì.

- Chị Ngô Thị H2 là con gái ông Ngô Văn B có ý kiến như sau: Ông Ngô Văn B và bà Ngô Thị M2, sinh năm 1982 kết hôn hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, chị H2 là con gái của ông B và bà M2. Sau khi ông B và bà M2 *ly hôn* thì ông B đã kết hôn với bà Nguyễn Thị H1 đã có 01 người con trai là anh Ngô Tuấn A. Đối với cụ V và cụ T3 có bao nhiêu người con và di sản thừa kế của các cụ để lại có những gì thì chị không biết.

Trường hợp được chia di sản thừa kế của cụ V và cụ T3, chị xin được hưởng bằng hiện vật, trường hợp không được hưởng bằng hiện vật thì ai là người được chia phần hiện vật của chị thì phải thanh toán bằng tiền cho chị.

*Toà án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản xác định:

- Thừa đất số 195, tờ bản đồ số 20, diện tích 1270m², gồm: 250m² đất ở, 270m² đất ao, 750m² đất vườn tại địa chỉ xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/11/2008 mang tên hộ ông Ngô Văn V và bà Ngô Thị T3. Nay là thừa đất số 228, tờ bản đồ số 28, diện tích 1336m² (trong đó: 250m² đất ở, 321m² đất ao, 765m² đất vườn) tại thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Kết quả định giá tài sản xác định: Về đất: 250m² đất ở × 500.000 đồng/m² = 125.000.000 đồng; 750m² đất vườn × 250.000 đồng/m² = 187.500.000 đồng; 270m² đất ao × 250.000 đồng = 67.500.000 đồng. Tổng giá trị đối với đất là 380.000.000 (*Ba trăm tám mươi triệu*) đồng. Về tài sản trên đất, gồm: 01 nhà mái bằng 73,485m²; 01 sân lát gạch phía trước nhà 35,145m²; 01 bể nước; 01 cổng sắt hai cánh, trụ cổng; 01 cầu thang. Tổng giá trị các tài sản trên đất là 135.788.000 (*Một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn*) đồng.

Ngoài ra trên đất còn một số tài sản các đương sự không yêu cầu định giá (trong đó có căn nhà cấp 4 lợp ngói đỏ đã bị phá dỡ 01 gian được xác định không còn giá trị sử dụng là tài sản của ông M). Đối với các tài sản ông M yêu cầu định giá, hội đồng định giá kết luận: 01 tivi cũ hiện không thể sử dụng, giá trị 0 đồng; 01 bộ salon cũ, 01 tủ chè cũ, 01 tủ lạnh cũ không có tại nhà cụ T3 và cụ V, các đương sự không biết đang ở đâu nên không có căn cứ để định giá. Đối với một số cây cối hoa màu các đương sự không yêu cầu định giá.

- Thừa đất số 404, tờ bản đồ số 5, diện tích 270m² đất lúa tại xứ đồng L, xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/12/2018 mang tên hộ bà Ngô Thị T3.

Kết quả định giá tài sản xác định: Về đất: 270m² đất lúa × 195.000 đồng/m²= 52.650.000 (Năm mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Đối với lúa trên đất các đương sự không yêu cầu định giá.

- Thừa đất số 272, tờ bản đồ số 20, diện tích 625m² đất màu tại xứ đồng Nội Bối, xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/02/2001 mang tên hộ ông Ngô Văn V. Nay là thừa đất số 66, tờ bản đồ số 8, diện tích còn lại là 584m². Hiện nay ông M đang quản lý và sử dụng 363m²; bà N đang quản lý, sử dụng 221m².

Kết quả định giá tài sản xác định: Về đất: 584m² đất màu × 205.000 đồng/m²= 119.720.000 (Một trăm mười chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng. Về tài sản trên đất là cây ngô của bà N và ông M trồng trọt, các đương sự không yêu cầu định giá.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 147; các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 649, 652, 653, 663 và 668 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 629, 630, 651 và 652 Bộ luật dân sự 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 166, 167, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N về chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn V và cụ Ngô Thị T3 theo di chúc.

Chia cho cháu Ngô Tuấn A và bà Nguyễn Thị H1 được quyền quản lý và sử dụng tổng diện tích đất là 1.240m² (trong đó: 250m² đất ở, 720m² đất vườn, 270m² đất ao) tại thừa đất số 195, tờ bản đồ số 20 (nay là thừa đất số 228, tờ bản đồ số 28); địa chỉ tại thôn L, xã X, huyện L, tổng trị giá đất là 372.500.000 đồng.

Tài sản trên đất gồm: Một nhà xây mái bằng 73,485m², hai gian nhà bếp lợp ngói và các công trình phụ giá trị 135.788.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất cháu Tuấn A và bà Nguyễn Thị H1 được hưởng trị giá là 508.288.000 (Năm trăm linh tám triệu hai trăm tám mươi

tám nghìn) đồng. Toàn bộ diện tích đất, tài sản trên đất do bà Nguyễn Thị H1 đang quản lý (có sơ đồ kèm theo).

Về quyền và nghĩa vụ khi được hưởng di sản: Cháu Ngô Tuấn A và bà Nguyễn Thị H1 có quyền sử dụng di sản, không được quyền bán toàn bộ tài sản trên, đồng thời có nghĩa vụ thờ cúng tổ tiên theo di chúc.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn V và cụ Ngô Thị T3 theo pháp luật.

Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của cụ V và cụ T3 gồm 07 kỳ phần: Bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị X1, ông Nguyễn Ngọc M, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị N1, bà Ngô Thị M1. Người thừa kế của ông Ngô Văn B là chị Ngô Thị H2 và cháu Ngô Tuấn A.

Xác định di sản của cụ V và cụ T3 được chia theo pháp luật gồm: 360m² đất màu + 86m² đất (trong đó: 51m² đất ao, 35m² đất vườn) tổng trị giá là 95.300.000 (Chín mươi lăm triệu ba trăm nghìn) đồng. Chia cho 07 kỳ phần, mỗi kỳ phần được hưởng trị giá 13.614.000 đồng (cháu Tuấn A và chị H2 mỗi người được hưởng phần của ông B là 6.807.000 đồng).

- Chia cho ông Nguyễn Ngọc M được quản lý và sử dụng diện tích 360m² đất màu tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 8) tại xứ đồng Nội Bồi, xóm E cũ (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam trị giá 73.800.000 (Bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng (Có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho cháu Ngô Tuấn A được quản lý và sử dụng diện tích 86m² đất (trong đó: 51m² đất ao, 35m² đất vườn) tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 228, tờ bản đồ số 28) tại địa chỉ thôn L, xã X, huyện L, trị giá 21.500.000 (Hai mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Cháu Ngô Tuấn A và bà Nguyễn Thị H1 được quản lý và sử dụng chung tổng diện tích 1336m² (thừa kế theo di chúc và theo pháp luật); (trong đó: Đất thổ cư là 250m², đất vườn 750m²; đất ao 336m²) tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 228, tờ bản đồ số 28) tại thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam (Có sơ đồ kèm theo).

3. Về nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản:

- Cháu Ngô Tuấn A có trách nhiệm thanh toán cho các hàng thừa kế của cụ V và cụ T3 tổng số tiền là 14.693.000 (Mười bốn triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng; cụ thể: Thanh toán cho bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị M1, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị N1 mỗi người số tiền 2.671.454 đồng, làm tròn thành 2.671.000 (Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn) đồng, chị Ngô Thị H2 số tiền 1.135.727 đồng làm tròn thành 1.336.000 (Một triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Cháu Ngô Tuấn A không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản thừa kế cho bà Ngô Thị X1.

- Ông Nguyễn Ngọc M có trách nhiệm thanh toán cho các hàng thừa kế của cụ V và cụ T3 tổng số tiền là 60.186.000 (Sáu mươi triệu một trăm tám mươi sáu nghìn) đồng; cụ thể: Thanh toán cho bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị X1, bà Ngô Thị M1, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị N1 mỗi người số tiền 10.942.909 đồng, làm tròn thành 10.943.000 (Mười triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, thanh toán cho chị Ngô Thị H2 số tiền 5.471.454 đồng làm tròn thành 5.471.000 (Năm triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn) đồng.

4. Cắt trả tiêu chuẩn đất nông nghiệp của ông Ngô Văn B được chia trong hộ cụ T3 và cụ V, tổng diện tích là 504m². Tạm giao cho cháu Ngô Tuấn A và bà Nguyễn Thị H1 quản lý, sử dụng các thửa đất (Có sơ đồ kèm theo):

- Thửa đất số 404, tờ bản đồ số 5, diện tích 270m² đất lúa tại xứ đồng Làn T thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Thửa đất trên hiện do bà T đang quản lý, sử dụng.

- Thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20, diện tích 224m² đất màu (nay là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 8) tại xứ đồng Nội B, thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Thửa đất trên hiện do bà N đang quản lý, sử dụng.

- Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 20, diện tích 10m² đất vườn (nay là thửa đất số 228, tờ bản đồ số 28) tại địa chỉ thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Thửa đất này hiện do bà H1 quản lý, sử dụng.

Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ngô Văn B để lại bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật dân sự.

5. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc M3, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ V và cụ T3 để lại đối với những tài sản, gồm: 01 tivi cũ hiện không thể sử dụng, giá trị 0 đồng; 01 bộ salon cũ, 01 tủ chè cũ, 01 tủ lạnh cũ và yêu cầu giao cho ông M3 diện tích 360m² đất hương hỏa tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 8) tại xứ đồng Nội B, thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/10/2024, nguyên đơn bà Ngô Thị N kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân theo hướng sửa bản án sơ thẩm, tước toàn bộ quyền thừa kế của ông Nguyễn Ngọc M và giao toàn bộ diện tích 360m² đất mà ông M đang trực tiếp quản lý thuộc thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 8) cho bà Ngô Thị N sử dụng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn bà Ngô Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Và thừa nhận khi còn sống cụ V và cụ T3 không có văn bản nào truất quyền thừa kế đối với ông Nguyễn Ngọc M; không có tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý ông Nguyễn Ngọc M về hành vi ngược đãi, bạo hành đối với cụ V - cụ T3 và không có tài liệu chứng minh ông Nguyễn Ngọc M bị cơ quan có thẩm quyền tước quyền thừa kế đối với di sản cụ V - cụ T3.

Luật sư Chu Bá T1 và Nguyễn Thị Hương T2 đều đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị N.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bà N. Thừa nhận giai đoạn năm 1990 vợ chồng ông đã xảy ra mâu thuẫn với hai cụ và anh em trong gia đình, chính quyền địa phương đã giải quyết mâu thuẫn, để tránh mâu thuẫn phức tạp ông đã phải chuyển vợ con ra ở riêng tại nơi khác. Khi còn sống hai cụ không có văn bản tước bỏ quyền thừa kế của ông M, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền truất quyền thừa kế của ông nên ông có quyền thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ V - cụ T3.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị N.

- Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị N trong thời hạn luật định nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Ngô Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị N không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo ngày 10/10/2024 của nguyên đơn bà Ngô Thị N trong thời hạn luật định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về tố tụng: Dương sự có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, chị H2 vắng mặt phiên tòa lần 02 được triệu tập hợp lệ nên Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị N đề nghị tước bỏ quyền thừa kế đối với **ông Nguyễn Ngọc M**, đề nghị giao thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20 cho bà N sử dụng.

Ông Nguyễn Ngọc M là con đẻ của Ngô Văn V và cụ Ngô Thị T3, nên là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thứ nhất quy định tại Điều 675, 678 Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong vụ án này, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc M có mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày với cụ Ngô Văn V và cụ Ngô Thị T3 khi còn sống là có thật nhưng khi còn sống cụ Ngô Văn V và cụ Ngô Thị T3 không có văn bản tước bỏ quyền thừa kế của ông Nguyễn Ngọc M và không bị cơ quan có thẩm quyền tước bỏ quyền thừa kế tài sản của ông M; người kháng cáo không có tài liệu chứng minh việc người thừa kế (ông Nguyễn Ngọc M) hành hạ ngược đãi cụ Ngô Văn V và cụ Ngô Thị T3 đến mức bị tước quyền thừa kế.

Thửa đất số 272, tờ bản đồ số 20, diện tích 625m² đất màu (nay là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 8, diện tích 584m² đất) tại xứ đồng Nội B, thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Hiện do bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Ngọc M đang quản lý, sử dụng. Cấp sơ thẩm giao cho ông Nguyễn Ngọc M được quyền sử dụng 360m² đất là phù hợp với chính sách tích tụ ruộng đất nông nghiệp của UBND tỉnh H. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị N yêu cầu tước bỏ quyền thừa kế tài sản đối với Nguyễn Ngọc M.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị N là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Ngô Thị N. Và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị N không phải nộp.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội.
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Lý nhân
- Chi cục THADS huyện Lý nhân
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Trường